

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI VÀ VIỆC PHÂN BỐ KHU VỰC – CHỨC NĂNG

(dưới góc độ dạy tiếng Việt thực hành)

ĐINH THANH HƯ

I. Khi phân định từ loại của từ, các nhà Việt ngữ thường chú ý đến *chức năng ngữ pháp chủ yếu* của từ. Chức năng này do ý nghĩa phạm trù của từ tạo thành. Chẳng hạn, danh từ có chức năng ngữ pháp chủ yếu là làm chủ ngữ của câu hoặc trung tâm danh ngữ. Ý nghĩa « sự vật », vốn là ý nghĩa phạm trù của danh từ, qui định những chức năng trên. Tương tự như vậy, ý nghĩa « hành động » qui định chức năng vị ngữ của động từ; ý nghĩa « tính chất » – chức năng định ngữ của tính từ... Mỗi ý nghĩa phạm trù của từ loại có những đặc trưng ngữ ngữ riêng hay còn gọi là tiêu chí ngôn ngữ dùng để biệt loại [1].

I.2. Cũng như trong các ngôn ngữ khác, từ loại trong tiếng Việt không có chức năng ngữ pháp chủ yếu, mà còn có *chức năng ngữ pháp thứ yếu*. Thí dụ: tính từ làm vị ngữ, động từ làm chủ ngữ.

Từ loại trong sự tương ứng với chức năng ngữ pháp hiện diện trong tư duy trên trục liên tưởng, còn chức năng ngữ pháp của từ loại xuất hiện trên trục c đoạn. Nói cách khác, mối quan hệ giữa từ loại và chức năng ngữ pháp qui chiếu đồng thời trên hai trục liên tưởng và cú đoạn của ngôn ngữ.

II.1 Từ trong tiếng Việt không biến đổi hình thái, chúng giữ các chức năng khác nhau trong câu, nên phải chăng là trong tiếng Việt tồn tại đồng thời từ có chức năng, từ đồng âm khác nghĩa. (Những từ khác nhau được phân bố khu vực – chức năng khác nhau)?

II.2. Trước hết cần phải ghi nhận rằng những từ thường được gọi là « chức năng » chiếm một bộ phận nhỏ trong từ vựng tiếng Việt. Mặt khác, một từ trong tiếng Việt có ý nghĩa trừu tượng hơn (*nỗi này, cái kia, việc nọ...*) nên chúng vừa là yếu tố cấu tạo từ mới (so sánh: *cước/cái cước; đau/nỗi đau...*) và dùng để tạo ra những cấu trúc tuy chưa phải là từ, nhưng lại có tính chất định danh sự vật, hiện tượng, phục vụ cho nhu cầu giao tiếp (« *Việc anh đến chơi/ niềm vui của chúng tôi* »).

Tuy từ có chức năng ngữ pháp chủ yếu và thứ yếu, nhưng ý nghĩa phạm trù của nó không thay đổi. Điều đó cho phép thừa nhận rằng có những từ cùng vỏ ngữ âm, mang đặc tính của phạm trù, hình thức khác nhau. Đó là những từ đa chức năng (ví dụ « *Chúng ta đấu tranh cho hòa bình* »; « *Đấu tranh cho nhà loại thoát khỏi thảm họa chiến tranh là nhiệm vụ của chúng ta*; » « *Lao động* »).

h quang»; « Anh ấy lao động không biết mệt mỏi»). Như vậy khi hai hay ba từ cùng có một vỏ ngữ âm như nhau, hành chức khác nhau mà giữa chúng lại có khả năng đứt đoạn với những đặc trưng của phạm trù từ loại, thì đó là ứng từ đa chức năng. Thế nhưng, không loại trừ những trường hợp tuy cùng vỏ ngữ âm như nhau, nhưng chúng lại hoạt động trong những khu vực phân bố chức năng khác nhau, có nghĩa là chúng đã đứt đoạn với những đặc trưng định của phạm trù. Trong trường hợp này, chúng là những từ đồng âm, ứng từ khác nhau.

II. 3. Đề minh họa cho trường hợp sau, có thể dẫn ra một vài ngữ liệu :

I. a) Nó được₁ cái ví.

b) Tôi làm được₂ việc ấy.

c) Tôi được₃ làm việc ấy.

II. a) Mẹ đã ra₁ chợ.

b) Em bé chạy ra₂ sân.

c) Chị ấy mới gửi thư ra₃ Hà Nội.

Xem xét các thí dụ trên, chúng ta thấy rằng :

— « Được₁ » và « ra₁ » (I.a và II.a) có đủ tư cách là những động từ, vì chúng đứng trực tiếp sau chủ ngữ không cần hệ từ « là » đứng sau những yếu tố chỉ thái độ: « cũng, vẫn »... hoặc yếu tố chỉ sự khẳng định, phủ định: « không, có »; các yếu tố chỉ thời gian của hành động: « đã, đang, sẽ »... Các động từ này, rõ ràng nằm trong khu vực — chức năng của các động từ khác trong tiếng Việt.

« Được₂ » (I.b) là một yếu tố chỉ ý nghĩa khả năng, kết quả cho hành động « làm » do chủ thể « tôi » tiến hành. Chúng ta dễ dàng liên tưởng đến các yếu tố ngữ nghĩa — chức năng khác trong cùng khu vực phân phối với từ « được » như « nôi, xuề, theo ». Mỗi một yếu tố với tư cách là một từ, hàm chứa nét nghĩa riêng biệt của mình: « nôi » — cố gắng hơn khả năng vốn có, để làm một việc gì đó; « xuề » — làm nhiều việc trong khả năng của mình, nhưng phải tranh thủ thời gian mới làm xong các việc theo dự định; « theo » — làm việc gì đó dựa trên (theo mẫu) của hành động khác do chủ thể khác đã làm. Nghĩa cơ bản của động từ « làm », thiết tưởng trong các ngôn ngữ đều ghi nhận. Nhưng nghĩa dụng cụ thể biệt: « làm nôi, làm xuề, làm được... » trong các tình huống giao tiếp khác nhau, phải chăng là một trong những nét đặc trưng tinh tế của tiếng Việt. Trong khu vực phân phối — chức năng « được₂ » mang những đặc điểm phạm trù của từ cùng khu vực « nôi, xuề, theo ». Tóm lại, « được₂ » là một từ khác với từ « được₁ » trong hệ thống từ vựng của tiếng Việt,

— Trong thí dụ I.C « được₃ » lại nằm trong khu vực phân phối — chức năng khác. Nó có quan hệ đối lập với từ « bị » (may mắn/không may mắn). Do đó « được₃ » không thể xét dưới góc độ từ đa chức năng, cùng trong khu vực phân phối chức năng với « được₁ » và « được₂ ».

— Phân tích tương tự như trên, trong thí dụ II.b « Ra₂ » được xét trong hệ thống phân bố khu vực với « vào, lên, xuống... » Đó là những từ chỉ hướng không gian của vận động chủ thể (vận động từ không gian hẹp đến không gian rộng hay ngược lại, vận động theo chiều và trong có quan niệm phân vùng địa dư giữa các vùng trên lãnh thổ Việt Nam...). Nét nghĩa tạo nên hướng này khác với nét nghĩa tạo nên hướng được hình thành theo đặc điểm lịch sử của dân tộc Việt Nam —

một đặc điểm đã ghi đậm trong tư duy, tình cảm, tâm lí của người Việt Nam việc phân vùng Bắc — Nam. (... gửi ra₃ Hà Nội, gửi vào Sài Gòn...). Nói cách khác «ra»₃ nằm trong hệ thống phân phối khu vực với «vào». Như vậy, trong thí dụ I (a,b,c) và thí dụ II (a,b,c), chúng ta có các từ «được», «ra» phân phối trong khu vực hành chức khác nhau. Chúng là những từ riêng biệt. Chính nghĩa dụ chuyên biệt của chúng góp phần nói lên bản sắc của tiếng nói dân tộc Việt Nam. Và rõ ràng, không thể đáp nhập các từ như «được», «ra» có chức năng như những giới từ trong tiếng Ấn — Âu

III. Dưới góc độ dạy tiếng Việt thực hành — giao tiếp như một ngoại ngữ cho người nước ngoài, việc phân bố khu vực — chức năng của từ là quan trọng vì

a) Nó hướng đến *cái đúng* (theo mẹo luật của Việt ngữ) và *cái thích hợp* (nghĩa dụng chính xác của từ) trong cách nói năng, giao tiếp của người bản ngữ

b) Ở những mức độ khác nhau, trong quá trình học tiếng Việt, người học không dễ dàng khắc phục những hiện tượng «giao thoa», việc phân bố này giúp cho người học cơ sở đối chiếu.

c) Cần yếu để họ nhanh chóng khắc phục những hiện tượng «giao thoa» giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của họ ;

d) Nó truyền thụ cho người học những nét nghĩa kinh tế trong giao tiếp tiếp tế của từ vựng tiếng Việt, đặc trưng cho bản sắc của tiếng Việt.

CHÚ THÍCH

(I) Xem : Nguyễn Tài Cần : Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại. NXB KHXH, H., 1975, trg 27-33.

Nguyễn Kim Thân : động từ trong tiếng Việt. NXB KHXH, H., 1977, trg 18- và cùng tác giả : Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt. NXB KHXH, H., 1963 Tập

ДИНЬ ТХАНЬ ХЮЕ. СОВРЕМЕННАЯ ВЬЕТНАМСКАЯ ЛЕКСИКА И ЕЁ ФУНКЦИОНАЛЬНОЕ РАСПРЕДЕЛЕНИЕ (В СВЕТЕ ПРЕПОДАВАНИЯ РАЗГОВОРНОГО ЯЗЫКА)

В вьетнамском языке есть слова — омонимы, употребляемы в различных функциональных сферах напр :

Nó được ₁ cái ví	Он нашел ₁ кошелок
Tôi làm được ₂ việc ấy	Я сделаю ₂ эту работу
Tôi được ₃ làm việc ấy	Я смогу ₃ сделать эту работу

По мнению автора три глагола được — омонимы. В преподавании вьетнамского языка иностранцам необходимо указывать функциональную сферу каждого из них.

ĐINH THANH HUE. MODERN VIETNAMESE VOCABULARY AND ITS DISTRIBUTION AS REGARDS ITS PLACE AND PUNCTION.

There exist in vietnamese words of the same phonetical form which differ in their places and functions :

— Nó được ₁ một cái ví ;	He receives a portmonnaie
— Tôi làm được ₂ việc ấy :	I can do this work.
— Tôi được ₃ làm việc ấy :	I have to take charge of this work

According to the author, these are homonyms, when teaching Vietnamese foreigners one should point out different places and functions of each word.